

Số: /2020/CV-WSS

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall, chúng tôi xin cung cấp số liệu và giải trình về việc chênh lệch số liệu kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm 2019 như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
		VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		145.313.843	4.587.499.128
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	145.313.843	452.593.128
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL			-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.c)	113.400	4.134.906.000
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.c)	3.124.737.173	5.922.601.406
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.c)	1.533.387.396	1.519.194.321
1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			480.000.000
1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		790.276.982	1.523.467.336
1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		144.496.759	207.573.899
1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		232.181.818	1.286.818.180
1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		6.594.040	-
1.9 Thu nhập hoạt động khác			
Cộng doanh thu hoạt động		5.976.988.011	15.527.154.270
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		14.011.487.603	112.289.140.658
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	628.454.619	12.846.257.171
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	32.b)	13.383.032.984	99.442.883.487
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		585.791.752	576.313.362
2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		162.983.708	274.490.719
2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.341.883.427	1.616.084.035



2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		150.870.204	163.889.468
2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		884.579.007	643.333.330
	Cộng chi phí hoạt động		17.137.775.701	115.563.251.572
III	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	33		
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		284.522	109.139
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.726.775	4.808.785
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		4.011.297	4.917.924
IV	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	34		
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		291.684	45.651
4.2	Chi phí lãi vay		1.378.737.909	1.750.565.563
	Cộng chi phí tài chính		1.379.029.593	1.750.611.214
V	CHI PHÍ BÁN HÀNG			
VI	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	35	3.681.407.786	4.428.668.231
VII	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(16.217.213.772)	(106.210.458.823)
VIII	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
8.1	Thu nhập khác	36	277.630.000	200.022.179
8.2	Chi phí khác	37	26.869.008	32.796.663
	Cộng kết quả hoạt động khác		250.760.992	167.225.516
IX	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(15.966.452.780)	(106.043.233.307)
1.1	Lợi nhuận đã thực hiện		(2.583.413.776)	(6.600.454.325)
1.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.383.039.004)	(99.442.778.982)
IX	CHI PHÍ THUẾ TNDN	38		-
10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
X	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(15.966.452.780)	(106.043.233.307)



Nguyên nhân có kết quả chênh lệch trên chủ yếu là do lãi lỗ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính và đánh giá lại giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall xin báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC-NS, PC và QTRR.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Viết Thắng